

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12 năm 2020

%

	Tháng 12 năm báo cáo so với			Bình quân quý IV 2020 so với cùng kỳ năm 2019	Năm 2020 so với năm 2019
	Kỳ gốc	Tháng 12 năm 2019	Tháng 11 năm 2020		
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	102,21	100,44	100,33	101,69	103,02
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,65	107,44	99,87	110,70	111,96
<i>Trong đó:</i> Lương thực	105,50	114,76	100,38	114,82	110,11
Thực phẩm	108,08	105,30	99,68	109,86	113,24
Ăn uống ngoài gia đình	99,96	108,71	100,00	110,27	109,55
Đồ uống và thuốc lá	103,03	101,35	99,86	101,24	100,78
May mặc, mũ nón và giày dép	103,33	100,81	100,03	101,03	101,80
Nhà ở và vật liệu xây dựng	103,69	92,48	101,03	92,97	95,56
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,28	101,30	100,01	101,51	101,82
Thuốc và dịch vụ y tế	100,10	100,13	100,00	100,14	102,08
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	100,00	100,00	100,00	100,00	102,17
Giao thông	88,92	84,35	102,61	84,40	86,62
Bưu chính viễn thông	99,98	99,95	99,90	99,95	99,95
Giáo dục	101,66	100,76	100	100,93	101,49
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	101,76	100,70	100,00	100,7	100,77
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,72	97,39	99,85	97,36	98,14
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,79	103,97	100,00	104,05	105,66
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	128,97	128,97	99,55	129,34	128,33
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	100,17	100,14	99,96	97,18	96,27